

TẬP ĐOÀN
BUU CHÍNH VIỄN THÔNG VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2015.

Số: 246 /TST-KTTKTC
V/v: Công bố thông tin về BCTC hợp nhất
Năm 2014.

**Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước
Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

1. Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**
2. Mã chứng khoán: **TST**
3. Địa chỉ trụ sở chính: Số 4A, 4B, 4C Phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Hà Nội.
4. Điện thoại: 043 7366 984 Fax: 043 568 2240
5. Người thực hiện công bố thông tin:
 - + Người đại diện theo pháp luật: Phan Sỹ Kiên
 - + Người được uỷ quyền công bố thông tin: Trần Thị Thanh Bình
6. Nội dung của thông tin công bố:
 - 6.1 Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2014 của Công ty cổ phần dịch vụ kỹ thuật viễn thông được lập ngày 31/03/2015 bao gồm: BCKDT, BCKQKD, BCLCTT, TMBCTC.
 - 6.2 Nội dung giải trình (chênh lệch 10% LNST so với cùng kỳ năm ngoái).
7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ báo cáo tài chính: www.tst.com.vn
Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố hết

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT.



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, KTTKTC.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ
KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	15 - 41

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (công ty mẹ) và công ty con (gọi chung là Công ty)

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0101334129 ngày 07 tháng 8 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 14 lần được Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp bổ sung các Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh về việc thay đổi tên Công ty, ngành nghề kinh doanh và Vốn điều lệ của Công ty.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 14 là: 48.000.000.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại : 043 736 69 84

Fax : 043 568 22 40

E-mail : tsth@hn.vnn.vn

Mã số thuế : 0 1 0 1 3 3 4 1 2 9

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông

657 – Trần Cao Vân, Phường Thanh Khê Đông, Quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại Thành phố Cần Thơ

42 Quang Trung, Khu đô thị Phú An, Phường Phú Thứ, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Bảo dưỡng – Đo kiểm

Số 164 phố Nguyễn Văn Cừ, Phường Bồ Đề, Quận Long Biên, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Xây lắp số 1

Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013)

196/3 Cộng Hòa, Phường 12, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Chi nhánh Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông – Xí nghiệp Lắp đặt thiết bị (đã giải thể ngày 01 tháng 7 năm 2013)

Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, Phường Khương Trung, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Đo kiểm các công trình viễn thông (chỉ hoạt động khi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép); Thiết kế kết cấu công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật; Tư vấn kỹ thuật, lập các dự án đầu tư, thiết kế thẩm định các dự án công trình, chuyên giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học; Kiểm định, hỗ trợ vận hành các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học (trừ hoạt động nhà nước cấm);

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn cáp quang, cáp đồng, cáp điện tin học, truyền hình;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Bán buôn vật tư thiết bị viễn thông;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Vận tải hành khách đường sắt;
- Vận tải hàng hóa đường sắt;
- Vận tải bằng xe buýt;
- Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Xuất nhập khẩu trực tiếp và xuất nhập khẩu ủy thác vật tư, thiết bị, phụ tùng, linh kiện, máy móc trong lĩnh vực bưu chính, viễn thông, phát thanh, truyền hình, điện, điện tử, điện dân dụng, tin học, giao thông, công nghiệp, xây dựng theo quy định hiện hành; Xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, phụ tùng, linh kiện phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
- Đại lý du lịch. Chi tiết: Lữ hành nội địa, lữ hành quốc tế;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện đến 35KV; Xây dựng công trình nhà cửa như: Đường thủy, bến cảng và các công trình trên sông, các cảng du lịch, cửa cống, đập và đê; Xây dựng các công trình dân dụng, hạ tầng kỹ thuật;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt các công trình viễn thông, điện tử, tin học; Xây dựng các công trình viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê tài sản hoạt động, cho thuê các sản phẩm thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Chuyển giao kỹ thuật, công nghệ chuyên ngành viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất. Chi tiết: Quảng cáo bất động sản;
- Đại lý, môi giới, đấu giá. Chi tiết: Đại lý;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị. Chi tiết: Sửa chữa, bảo dưỡng các công trình thiết bị viễn thông, điện, điện tử, tin học;
- Sản xuất thiết bị truyền thông. Chi tiết: Sản xuất thiết bị bưu chính viễn thông;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng. Chi tiết: Sản xuất các thiết bị điện, điện tử, tin học;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi.

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam	Số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội	Số 01030119669 ngày 19 tháng 9 năm 2007	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 08 đến trang 41).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Nguyễn Đức Đồng	Chủ tịch	18 tháng 5 năm 2009	26 tháng 6 năm 2014
Nguyễn Đình Tuấn	Chủ tịch	26 tháng 6 năm 2014	
Phan Sỹ Kiên	Phó Chủ tịch	26 tháng 6 năm 2014	
Nguyễn Văn Minh	Ủy viên	18 tháng 5 năm 2009	
Đặng Phan Dũng	Ủy viên	26 tháng 6 năm 2014	
Vũ Thành Trung	Ủy viên	24 tháng 7 năm 2013	

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Phạm Nhật Quang	Thành viên	18 tháng 5 năm 2009	
Hoàng Thị Nghĩa Ninh	Thành viên	24 tháng 7 năm 2013	
Phan Thị Phương Dung	Thành viên	24 tháng 7 năm 2013	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Phan Sỹ Kiên	Tổng Giám đốc	18 tháng 01 năm 2013	
Lê Anh Toàn	Phó Tổng Giám đốc	22 tháng 4 năm 2013	
Đặng Phan Dũng	Phó Tổng Giám đốc	13 tháng 3 năm 2013	

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:



Số: 250/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông, được lập ngày 31 tháng 3 năm 2015, từ trang 08 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Trong quá trình kiểm toán, chúng tôi không thể tiếp cận được với các bằng chứng kiểm toán cần thiết để khẳng định được tính trung thực và hợp lý về số liệu của chi nhánh Hồ Chí Minh (đã giải thể ngày 26 tháng 3 năm 2013) đang được sử dụng để tổng hợp vào báo cáo của Công ty mẹ. Cụ thể:

	31 tháng 12 năm 2013	31 tháng 12 năm 2014
Phải thu thương mại thuần	1.277.165.908	1.277.165.908
Phải thu khác	5.538.312.837	5.538.312.837
Hàng tồn kho	1.327.799.572	1.327.799.572
Tài sản khác	7.392.579.303	7.392.579.303
	15.535.857.620	15.535.857.620

	31 tháng 12 năm 2013	31 tháng 12 năm 2014
Phải trả thương mại	2.807.326.139	2.807.326.139
Chi phí phải trả	6.253.418.069	6.253.418.069
Chi phí phải trả khác	1.990.198.309	1.990.198.309
	11.050.942.517	11.050.942.517
	Năm 2013	Năm 2014
Doanh thu	35.402.702	-
Giá vốn	227.600.176	-
Lỗ gộp	(192.197.474)	-

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Viễn thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Phạm Quang Huy - Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1409-2013-008-1

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		120.065.037.958	112.700.920.894
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	6.776.251.383	7.743.306.734
1. Tiền	111		6.556.251.383	7.743.306.734
2. Các khoản tương đương tiền	112		220.000.000	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	2.734.234.676
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	-	2.734.234.676
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		78.241.386.102	79.878.698.473
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	60.696.236.773	66.256.367.438
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	1.836.434.522	1.063.606.842
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	20.071.610.058	20.757.011.104
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(4.362.895.251)	(8.198.286.911)
IV. Hàng tồn kho	140		21.186.264.542	8.256.175.782
1. Hàng tồn kho	141	V.7	21.186.264.542	8.256.175.782
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.861.135.931	14.088.505.229
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8	128.543.618	89.421.170
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7.779.425	148.873.906
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.9	404.533.557	303.529.539
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.10	13.320.279.331	13.546.680.614

TH

M.S.C.N.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		61.263.946.393	68.787.224.371
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.990.753.193	43.541.758.800
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	14.542.359.705	15.501.180.370
<i>Nguyên giá</i>	222		60.353.587.869	59.728.493.172
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(45.811.228.164)	(44.227.312.802)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.12	24.847.351.852	24.986.675.704
<i>Nguyên giá</i>	228		25.891.037.818	25.891.037.818
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.043.685.966)	(904.362.114)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.13	1.601.041.636	3.053.902.726
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		18.689.035.194	18.132.371.246
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.14	13.149.939.475	12.593.275.527
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.15	5.890.000.000	5.890.000.000
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.16	(350.904.281)	(350.904.281)
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.584.158.006	7.113.094.325
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	1.492.053.006	6.530.915.091
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	V.18	92.105.000	582.179.234
VI. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		181.328.984.351	181.488.145.265

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		75.591.392.869	76.775.238.995
I. Nợ ngắn hạn	310		74.409.292.869	76.049.343.540
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.19	7.591.116.050	6.337.500.000
2. Phải trả người bán	312	V.20	18.119.729.830	19.878.974.353
3. Người mua trả tiền trước	313	V.21	934.762.765	1.066.866.938
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.22	2.703.232.780	2.595.368.539
5. Phải trả người lao động	315		4.125.394.227	5.147.557.001
6. Chi phí phải trả	316	V.23	10.315.436.327	14.560.764.741
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.24	30.522.397.448	25.318.365.282
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	V.25	97.223.442	1.126.188.023
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	-	17.758.663
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		1.182.100.000	725.895.455
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		1.182.100.000	431.350.000
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	294.545.455
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		88.622.252.178	87.663.308.901
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.27	88.622.252.178	87.663.308.901
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		48.000.000.000	48.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		49.699.560.000	49.699.560.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.041.876.184	9.041.876.184
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.059.954.379	2.059.954.379
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		119.132.759	1.102.199.009
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(20.298.271.144)	(22.240.280.671)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐỒNG THIỂU SỐ	439	V.28	17.115.339.305	17.049.597.369
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		181.328.984.351	181.488.145.265

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		2.586,88	10.490,53
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu



Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	67.581.538.938	97.333.354.769
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		67.581.538.938	97.333.354.769
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	53.458.185.502	80.603.951.314
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		14.123.353.436	16.729.403.455
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	438.687.513	547.741.263
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	633.797.961	2.826.311.656
Trong đó: chi phí lãi vay	23		517.678.883	1.869.051.381
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	2.353.369.074	1.732.911.183
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	9.442.769.441	11.666.600.376
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.132.104.474	1.051.321.503
11. Thu nhập khác	31	VI.7	1.446.278.148	4.568.331.670
12. Chi phí khác	32	VI.8	491.857.946	2.314.692.417
13. Lợi nhuận khác	40		954.420.202	2.253.639.253
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45		556.663.948	506.077.450
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		3.643.188.624	3.811.038.206
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.22	118.948.902	75.083.306
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>3.524.239.721</u>	<u>3.735.954.900</u>
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	V.28	65.741.936	301.795.701
18. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62		<u>3.458.497.786</u>	<u>3.434.159.199</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>721</u>	<u>715</u>

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Son Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.643.188.624	3.811.038.206
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.940.742.107	3.306.437.762
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	(3.835.391.660)	(36.318.521)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	(41.306.038)	6.934.313
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(303.734.169)	(1.346.224.354)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	517.678.883	1.869.051.381
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.921.177.747	7.610.918.787
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		1.996.175.599	24.981.968.564
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(12.930.088.760)	7.360.297.639
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(3.188.820.327)	(14.221.594.040)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		4.999.739.637	(5.962.113.167)
- Tiền lãi vay đã trả	13		(517.678.883)	(1.942.213.473)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.22	(51.021.088)	(555.779.050)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		3.184.230.581	3.696.376.707
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(1.212.801.407)	(4.693.434.360)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.799.086.902)	16.274.427.607
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(581.168.762)	(2.075.589.090)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.7	377.973.636	1.276.683.580
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(734.234.676)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		2.734.234.676	1.500.000.000
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		95.842.943	1.909.702.550
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		2.626.882.493	1.876.562.364

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: 4A, 4B, 4C Vương Thừa Vũ - Thanh Xuân - Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.19	9.480.627.126	17.758.737.250
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.19	(8.227.011.076)	(38.992.419.233)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(49.561.000)	(1.285.209.408)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.204.055.050	(22.518.891.391)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(968.149.359)	(4.367.901.420)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	7.743.306.734	12.111.208.154
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		1.094.008	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	6.776.251.383	7.743.306.734

Người lập biểu



Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng



Trần Trung Hiếu

Lập ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần

2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Xây dựng và lắp đặt

3. **Ngành nghề kinh doanh** :

- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Cho thuê máy móc, thiết bị bưu chính viễn thông, điện, điện tử, tin học.

4. **Tổng số các công ty con** : 1

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 1

Số lượng các công ty con không được hợp nhất: 0

5. **Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Huawei - TST Việt Nam	Số 164 Nguyễn Văn Cừ, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội	51%	51%

6. **Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC	Số 1, ngõ Núi Trúc, Giang Văn Minh, Ba Đình, Hà Nội	25%	25%

7. **Nhân viên**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 Công ty có 170 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 180 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/209/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật viễn thông (công ty mẹ) và công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại/chi phí quyền sử dụng đất, các chi phí trực tiếp và các chi phí chung có liên quan phát sinh trong quá trình đầu tư xây dựng bất động sản.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi phí sản xuất kinh doanh tại các đơn vị trực thuộc của công ty mẹ được kết chuyển vào giá vốn trong năm theo số thực tế phát sinh nhưng tối đa bằng tỷ lệ phần trăm (%) nhất định trên doanh thu theo giao khoán của Công ty cho từng loại hình hoạt động.

6. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ. Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 12
Máy móc và thiết bị	3
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất tại công ty mẹ không xác định thời hạn và không được tính khấu hao. Quyền sử dụng đất tại công ty con được khấu hao trong 42 năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao từ 3 đến 5 năm.

5-0
T
MH
VA
C
IA
-7

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí giải thể chi nhánh

Chi phí trả trước dài hạn là chi phí giải thể các chi nhánh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

Chi phí khác

Phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng.

13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

14. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

15. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành được ước tính trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành. Tỷ lệ trích dự phòng bảo hành trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa và công trình xây lắp có yêu cầu bảo hành bình quân trong năm 2012 là 2,35%. Trong năm 2013 và năm 2014, Công ty không trích dự phòng chi phí bảo hành.

16. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Trích lập các quỹ

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là thuế thu nhập hiện hành, là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

20. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2014 : 21.373 VND/USD
31/12/2013 : 21.085 VND/USD

21. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chi được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

22. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

23. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

24. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	361.610.637	956.924.547
Tiền gửi ngân hàng	6.194.640.746	6.786.382.187
Các khoản tương đương tiền	220.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống	220.000.000	-
Cộng	<u>6.776.251.383</u>	<u>7.743.306.734</u>

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư ngắn hạn khác	-	2.734.234.676
- Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ trên 3 tháng đến 1 năm	-	2.734.234.676
Cộng	<u>-</u>	<u>2.734.234.676</u>

3. Phải thu khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu khách hàng tại công ty mẹ	37.615.646.998	38.614.151.135
Phải thu khách hàng tại công ty con	23.080.589.775	27.642.216.303
Cộng	<u>60.696.236.773</u>	<u>66.256.367.438</u>

4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trả trước cho người bán tại công ty mẹ	140.324.214	826.994.236
Trả trước cho người bán tại công ty con	1.696.110.308	236.612.606
Cộng	<u>1.836.434.522</u>	<u>1.063.606.842</u>

5. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	33.232.000	33.232.000
Phải thu cán bộ công nhân viên	4.703.137.923	4.197.094.681
Phải thu Smatec về tiền phạt vi phạm hợp đồng cung cấp và lắp đặt thiết bị SMU	1.124.688.840	-
Phải thu Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	45.558.434	4.329.251.164
Phải thu về các khoản thuế nhập khẩu ủy thác	642.724.351	1.697.092.670
Phải thu do chi quá quỹ phúc lợi	2.101.321.762	1.834.823.292
Phải thu tạm ứng công trình	203.577.869	-
Phải thu Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp nộp thừa	250.722.592	-
Phải thu khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	5.538.312.837	5.538.312.837
Phải thu khác tại Chi nhánh Tây Nguyên	348.135.769	-
Cho công ty con vay để bảo lãnh dự thầu	-	-
Phải thu khác	5.080.197.681	3.127.204.460
Cộng	<u>20.071.610.058</u>	<u>20.757.011.104</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán		
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm	-	53.427.500
- Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên	-	582.868.695
Dự phòng nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi	4.362.895.251	8.198.286.911
Cộng	<u>4.362.895.251</u>	<u>8.198.286.911</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.675.887.142	2.793.921.067
Công cụ, dụng cụ	141.711.336	99.481.417
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	12.994.154.466	3.247.320.857
Hàng hóa	1.374.511.598	2.115.452.441
Cộng	<u>21.186.264.542</u>	<u>8.256.175.782</u>

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí thuê văn phòng	-	-
Chi phí bảo hiểm	126.743.618	89.421.170
Chi phí công cụ dụng cụ	1.800.000	-
Cộng	<u>128.543.618</u>	<u>89.421.170</u>

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Thuế giá trị gia tăng nộp thừa	146.879.168	146.879.168
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	-	497.262
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	38.199.350	38.199.350
Các loại thuế khác	219.455.039	117.953.759
Cộng	<u>404.533.557</u>	<u>303.529.539</u>

10. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tài sản thiếu chờ xử lý	136.167.801	136.167.801
Tạm ứng	12.734.648.659	11.977.944.181
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	449.462.871	1.432.568.632
Cộng	<u>13.320.279.331</u>	<u>13.546.680.614</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	23.147.824.820	25.701.552.816	9.640.426.327	1.082.385.409	156.303.800	59.728.493.172
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	-	2.012.680.000	-	-	2.012.680.000
Giảm trong năm do thanh lý	-	(34.576.162)	(1.353.009.141)	-	-	(1.387.585.303)
Số cuối năm	23.147.824.820	25.666.976.654	10.300.097.186	1.082.385.409	156.303.800	60.353.587.869
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.736.637.209	21.343.954.058	6.352.207.242	976.875.076	-	33.409.673.585
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	11.084.333.826	23.533.640.201	8.456.299.285	1.028.548.025	124.491.465	44.227.312.802
Tăng trong năm do khấu hao	1.466.192.570	843.544.332	436.441.704	29.927.197	25.312.452	2.801.418.255
Giảm trong năm do thanh lý	-	(27.346.063)	(1.190.156.830)	-	-	(1.217.502.893)
Số cuối năm	12.550.526.396	24.349.838.470	7.702.584.159	1.058.475.222	149.803.917	45.811.228.164
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	12.063.490.994	2.167.912.615	1.184.127.042	53.837.384	31.812.335	15.501.180.370
Số cuối năm	10.597.298.424	1.317.138.184	2.597.513.027	23.910.187	6.499.883	14.542.359.705
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện vận tải truyền dẫn có tổng nguyên giá và tổng giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 17.522.950.375 VND và 10.219.437.935 VND đã được cầm cố theo hợp đồng vay với Ngân hàng Thương Mại Cổ Phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
Tăng trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số cuối năm	25.731.037.818	160.000.000	25.891.037.818
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng		160.000.000	160.000.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	744.362.114	160.000.000	904.362.114
Tăng do khấu hao trong năm	139.323.852	-	139.323.852
Giảm do trong năm	-	-	-
Số cuối năm	883.685.966	160.000.000	1.043.685.966
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	24.986.675.704	-	24.986.675.704
Số cuối năm	24.847.351.852	-	24.847.351.852
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

Quyền sử dụng đất tại công ty cổ phần Huawei-TST Việt Nam có nguyên giá và giá trị còn lại lần lượt là 5.736.800.000 VND và 4.853.114.034 VND là giá trị tiền thuê đất có thời hạn 42 năm với diện tích 10.000 m² tại khu công nghiệp Bắc Ninh, xã Tương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh, và được cầm cố theo hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ XDCB dở dang	1.999.589.090	581.168.762	(2.012.680.000)	(21.349.852)	546.728.000
Công trình trụ sở chi nhánh Cần Thơ	1.054.313.636	-	-	-	1.054.313.636
Cộng	3.053.902.726	581.168.762	(2.012.680.000)	(21.349.852)	1.601.041.636

14. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần cáp Quang Việt Nam Vina – OFC, là một công ty thành lập ngày 16 tháng 6 năm 2008 tại Hà Nội. Hoạt động chính của công ty này là sản xuất các loại sợi cáp quang, sản xuất và kinh doanh các loại phụ kiện thiết bị đồng bộ kèm theo các loại cáp quang, các thiết bị vật tư, nguyên liệu chuyên ngành viễn thông, truyền hình, công nghệ thông tin, điện tử tin học dân dụng, công nghiệp và điều khiển tự động. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ (số đầu năm là 14.140.000.000 VND, tương đương 25% vốn điều lệ).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	<u>Giá trị phần sở hữu đầu năm</u>	<u>Phần lãi hoặc lỗ trong năm</u>	<u>Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong năm</u>	<u>Giá trị phần sở hữu cuối năm</u>
Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam Vina - OFC	12.593.275.527	556.663.948	-	13.149.939.475
Cộng	<u>12.593.275.527</u>	<u>556.663.948</u>	-	<u>13.149.939.475</u>

15. Đầu tư dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty Cổ phần Cấp quang Việt Nam và Thiết bị Bưu điện	493.000	4.930.000.000	493.000	4.930.000.000
- Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Mobiphone ⁽¹⁾	115.200	960.000.000	96.000	960.000.000
Cộng		<u>5.890.000.000</u>		<u>5.890.000.000</u>

⁽¹⁾ Tại ngày 24 tháng 9 năm 2014, theo Công văn số 1485/2014/ Mobifone service, Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Mobiphone trả cổ tức năm 2013 bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 20%.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư dài hạn khác

17. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi phí phát sinh trong năm</u>	<u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u>	<u>Giảm do phân loại lại</u>	<u>Số cuối năm</u>
Công cụ, dụng cụ	170.515.778	126.018.000	(198.226.566)	-	98.307.212
Chi phí vật liệu, dụng cụ... liên quan sản phẩm mới	5.768.512.198	-	-	(5.768.512.198)	-
Chi phí giải thể các chi nhánh	591.887.115	383.700.271	(291.302.490)	-	684.284.896
Chi phí giải thể Xí nghiệp lắp đặt Thiết bị	-	175.050.933	(108.070.866)	-	66.980.067
Chi phí cải tạo trụ sở công ty	-	307.489.056	(42.706.813)	-	264.782.243
Chi phí công cụ, dụng cụ	-	444.238.306	(66.539.718)	-	377.698.588
Cộng	<u>6.530.915.091</u>	<u>1.436.496.566</u>	<u>(706.846.453)</u>	<u>(5.768.512.198)</u>	<u>1.492.053.006</u>

18. Tài sản dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng	5.591.116.050	6.337.500.000
- Ngân hàng Ngân hàng Ngoại thương – Chi nhánh Bắc Ninh ^(a)	5.591.116.050	6.337.500.000
Vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác	2.000.000.000	-
- Công ty TNHH SMATEC	2.000.000.000	-
Cộng	<u>7.591.116.050</u>	<u>6.337.500.000</u>

^(a) Khoản vay Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Bắc Ninh để bổ sung vốn lưu động. Các khoản vay áp dụng lãi suất thả nổi. Hạn mức tín dụng của hợp đồng vay là 10.000.000.000 VND. Khoản vay được giải ngân bằng USD hoặc VND.

Khoản vay này được bảo đảm bằng tài sản là nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc và thiết bị, phương tiện truyền dẫn (xem thuyết minh số V.11) và quyền sử dụng đất với diện tích thuê 10.000 m², trong vòng 42 năm tại xã Trương Giang, huyện Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh (xem thuyết minh số V.12).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số đầu năm	6.337.500.000	27.451.570.732
Số tiền vay phát sinh	9.480.627.126	17.758.737.250
Tăng do chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	-	119.611.251
Số tiền vay đã trả	(8.227.011.076)	(38.992.419.233)
Số cuối năm	<u>7.591.116.050</u>	<u>6.337.500.000</u>

20. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả người bán của công ty mẹ	10.806.093.896	10.574.967.812
Phải trả người bán của công ty con	7.313.635.934	9.304.006.541
Cộng	<u>18.119.729.830</u>	<u>19.878.974.353</u>

21. Người mua trả tiền trước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Người mua trả tiền trước tại công ty mẹ	843.772.965	935.450.078
Người mua trả tiền trước tại công ty con	90.989.800	131.416.860
Cộng	<u>934.762.765</u>	<u>1.066.866.938</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Điều chỉnh phân loại trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.282.203.408	3.885.004.851	-	(3.764.008.673)	2.403.199.586
Thuế xuất, nhập khẩu	-	4.457.880.836	-	(4.457.880.836)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	50.909.976	73.658.249	-	(51.021.088)	118.837.790
Thuế thu nhập cá nhân	74.679.375	291.490.839	-	(192.870.825)	173.299.389
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	35.132.118	-	(35.132.118)	-
Các loại thuế khác	(115.953.759)	12.000.000	(280.683.783)	(12.000.000)	(396.637.542)
Cộng	<u>2.291.839.000</u>	<u>8.755.166.893</u>	<u>(280.683.783)</u>	<u>(8.512.913.540)</u>	<u>2.298.699.223</u>

Trong đó:

	<u>Số cuối năm</u>
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	2.703.232.780
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	(404.533.557)
Cộng	<u>2.298.699.223</u>

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.9).

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty mẹ: phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22%.

Công ty con: Theo Giấy chứng nhận đầu tư số 21221.000071 ngày 15 tháng 10 năm 2007 do Sở Kế Hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi 15% trên thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất các thiết bị viễn thông trong 12 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động, được miễn thuế trong 03 năm kể từ khi có thu nhập từ dự án và giảm 50% số thuế phải nộp trong 07 năm tiếp theo.

Năm 2014 là năm thứ bảy Công ty được hưởng ưu đãi về thuế suất và là năm thứ tư Công ty được giảm 50% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 22%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	3.643.188.624	3.811.038.206
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	109.539.472	510.294.511
Thuế bị phạt, bị truy thu	667.297.428	1.301.281.961
Chi phí lãi vay không được trừ	134.491.858	414.784.758
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	189.848.167	376.335.415
Xử lý công nợ phải thu	23.009.823	92.976.948
Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	251.867	417.184.840
Chi phí khấu hao xe trên 1,6 tỷ	278.427.713	
- Các khoản điều chỉnh giảm	41.268.000	(790.987.450)
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	(557.757.956)	(506.077.450)
Chi phí tiền lương của năm 2012 chưa chi hết trong năm 2013	(556.663.948)	(506.077.450)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại Tiền	-	(112.110.000)
Thu nhập từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế TNDN (cổ tức)	(1.094.008)	
Thu nhập chịu thuế	-	(172.800.000)
Trong đó:	3.752.728.096	4.321.332.717
Thu nhập chịu thuế tại công ty mẹ	3.212.051.267	3.369.469.817
Thu nhập chịu thuế tại công ty con	540.676.828	951.862.900
Lỗ các năm trước được chuyển ở công ty mẹ	(3.212.051.267)	(3.369.469.817)
Thu nhập tính thuế	540.676.828	951.862.900
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp tại công ty con	22%	15%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	118.948.902	142.779.435
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn, giảm	-	(69.806.751)
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	118.948.902	75.083.306

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

23. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Giá vốn trích trước	1.746.993.703	6.351.748.444
Chi phí thuế nhà thầu nước ngoài	1.879.770.228	1.879.770.228
Chi phí phải trả tại Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	6.478.418.069	6.253.418.069
Các khoản chi phí khác	210.254.327	75.828.000
Cộng	10.315.436.327	14.560.764.741



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp	68.961.048	4.590.702
Kinh phí công đoàn	535.546.660	453.292.965
Phải trả nhân viên thực hiện công trình	20.280.793.808	12.705.081.687
Phải trả cổ tức	5.188.481.417	5.302.292.417
Phải trả tiền nhận trước của hoạt động ủy thác nhập khẩu	547.646.704	789.237.738
Phải trả khác tại Chi nhánh Hồ Chí Minh	1.990.198.309	1.990.198.309
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.910.769.502	4.073.671.464
Cộng	<u>30.522.397.448</u>	<u>25.318.365.282</u>

25. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến chi phí dự phòng bảo hành công trình.

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do phân loại lại</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	-	3.500.000	-	(7.500.000)	-
Quỹ phúc lợi	17.758.663	-	669.136.311	(464.963.086)	-
Cộng	<u>17.758.663</u>	<u>3.500.000</u>	<u>669.136.311</u>	<u>(472.463.086)</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

27. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	9.041.876.184	2.059.954.379	1.102.199.009	(22.240.280.671)	87.663.308.901
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	3.458.497.786	3.458.497.786
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	-	-	-	(669.136.311)	(669.136.311)
Chi quỹ trong năm	-	-	-	-	(983.066.250)	-	(983.066.250)
Trích thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	-	(847.351.948)	(847.351.948)
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2013</i>	-	-	-	-	-	(388.510.214)	(388.510.214)
<i>Thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát 2014</i>	-	-	-	-	-	(458.841.734)	(458.841.734)
Số dư cuối năm nay	48.000.000.000	49.699.560.000	9.041.876.184	2.059.954.379	119.132.759	(20.298.271.144)	88.622.252.178

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của các cổ đông	48.000.000.000	48.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	49.699.560.000	49.699.560.000
Cộng	97.699.560.000	97.699.560.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Lợi ích Cổ đông thiểu số

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của CĐTS	14.972.250.000	14.972.250.000
Quỹ Đầu tư phát triển	1.301.271.503	1.301.271.503
Quỹ Dự phòng tài chính	158.533.900	158.533.900
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	80.750.996	80.750.996
Lợi nhuận chưa phân phối ^(*)	602.532.906	536.790.970
Số cuối năm	<u>17.115.339.305</u>	<u>17.049.597.369</u>

^(*) Bao gồm:

	<u>Năm nay</u>
Số đầu năm	536.790.970
Lợi nhuận trong năm	65.741.936
Trích quỹ đầu tư phát triển, Dự phòng tài chính và quỹ khác	-
Số cuối năm	<u>602.532.906</u>

Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.800.000	4.800.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.800.000	4.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.800.000	4.800.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>		

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	67.581.538.938	97.333.354.769
- Doanh thu bán hàng hóa	498.356.465	3.228.450.670
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	29.941.174.650	11.969.163.445
- Doanh thu hoạt động xây dựng	23.590.278.385	77.810.856.362
- Doanh thu khác	13.551.729.438	4.324.884.292
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
Doanh thu thuần	<u>67.581.538.938</u>	<u>97.333.354.769</u>

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp	342.167.749	2.573.076.578
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	22.634.905.516	7.890.762.252
Giá vốn của hoạt động xây dựng	20.960.202.759	65.220.171.379
Giá vốn khác	9.520.909.478	4.919.941.105
Cộng	<u>53.458.185.502</u>	<u>80.603.951.314</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	95.842.943	99.634.550
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.526.775	89.256.313
Lãi tiền ký quỹ	-	748.729
Lãi tiền cho vay	-	94.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	216.718.532	91.301.671
Lãi chênh lệch tỷ giá đã chưa thực hiện	41.306.038	-
Cổ tức được chia	-	172.800.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	49.293.225	-
Cộng	<u>438.687.513</u>	<u>547.741.263</u>

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	517.678.883	1.869.051.381
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	74.173.975	494.391.408
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	6.934.313
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	-	350.904.281
Chi phí tài chính khác	41.945.103	105.030.273
Cộng	<u>633.797.961</u>	<u>2.826.311.656</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	163.407.570	375.051.187
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	868.182	-
Chi phí bảo hành	8.835.438	7.277.182
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.053.768.403	221.461.042
Chi phí bằng tiền khác	126.489.481	1.129.121.772
Cộng	<u>2.353.369.074</u>	<u>1.732.911.183</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên quản lý	6.579.042.931	5.456.308.097
Chi phí đồ dùng văn phòng	282.654.783	268.885.860
Chi phí khấu hao TSCĐ	710.739.287	704.948.411
Thuế, phí và lệ phí	75.534.892	67.186.940
Chi phí dự phòng	(3.835.391.660)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.871.952.150	3.883.867.652
Chi phí bằng tiền khác	758.237.058	1.285.403.416
Cộng	<u>9.442.769.441</u>	<u>11.666.600.376</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý vật tư	162.895.200	1.391.227.272
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	385.480.000	-
Xử lý công nợ không rõ đối tượng	-	293.501.491
Hoàn nhập chi phí trích thừa từ những năm trước	203.208.187	915.527.982
Hoàn nhập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm	-	679.883.750
Hoàn nhập chi phí bảo hành sản phẩm 2012	377.792.885	721.687.899
Thu nhập khác	316.901.876	566.503.276
Cộng	<u>1.446.278.148</u>	<u>4.568.331.670</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thanh lý vật tư	69.460.197	114.543.692
Chi phí thanh lý tài sản cố định	7.506.364	-
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	170.082.410	296.893.776
Giá trị còn lại thanh lý vật tư	40.909.091	-
Chi phí vật tư bị thiếu	-	-
Xử lý công nợ	251.867	417.184.840
Phạt do vi phạm hợp đồng	22.038.000	257.846.606
Thuế bị phạt, bị truy thu	133.106.578	413.606.599
Phạt chậm nộp bảo hiểm	1.385.280	8.784
Chi phí không có hóa đơn chứng từ	23.009.823	92.976.948
Chi phí khác	24.108.336	721.631.172
Cộng	<u>491.857.946</u>	<u>2.314.692.417</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3.458.497.786	3.434.159.198
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	3.458.497.786	3.434.159.198
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.800.000	4.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	721	715

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	4.800.000	4.800.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.800.000	4.800.000

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương và thưởng	1.783.840.117	476.998.788

2. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

BẢN THUYẾT MINH

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi phải thu để đơn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng trong nước. Ban Tổng Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.776.251.383	7.743.306.734
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	2.734.234.676
Phải thu khách hàng	60.185.387.488	65.745.518.153
Các khoản cho vay	-	-
Các khoản phải thu khác	10.092.840.079	9.188.571.172
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.539.095.719	5.890.000.000
Cộng	<u>82.593.574.669</u>	<u>91.301.630.735</u>

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.3 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	<u>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</u>	<u>Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</u>	<u>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.776.251.383	-	-	-	6.776.251.383
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	-	-	-
Phải thu khách hàng	60.185.387.488	-	-	510.849.285	60.696.236.773
Các khoản phải thu khác	10.092.840.079	-	-	3.852.045.966	13.944.886.045
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	960.000.000	-	-	4.930.000.000	5.890.000.000
Cộng	<u>78.014.478.950</u>	<u>-</u>	<u>-</u>	<u>9.292.895.251</u>	<u>87.307.374.201</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số đầu năm

Tiền và các khoản tương đương tiền	7.743.306.734	-	-	-	7.743.306.734
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	2.734.234.676	-	-	-	2.734.234.676
Phải thu khách hàng	65.745.518.153	-	-	510.849.285	66.256.367.438
Các khoản phải thu khác	9.188.571.172	-	-	7.687.437.626	16.876.008.798
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	-	-	-	5.890.000.000
Cộng	91.301.630.735	-	-	8.198.286.911	99.499.917.646

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u>	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
Số cuối năm				
Vay và nợ	7.591.116.050	-	-	7.591.116.050
Phải trả người bán	18.119.729.830	-	-	18.119.729.830
Các khoản phải trả khác	20.049.755.701	982.100.000	200.000.000	21.231.855.701
Cộng	45.760.601.581	982.100.000	200.000.000	46.942.701.581
Số đầu năm				
Vay và nợ	6.337.500.000	-	-	6.337.500.000
Phải trả người bán	19.878.974.353	-	-	19.878.974.353
Các khoản phải trả khác	27.842.352.692	431.350.000	-	28.273.702.692
Cộng	54.058.827.045	431.350.000	-	54.490.177.045

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán, giá nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất và xuất khẩu sản phẩm với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD và HKD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do nợ thuần ngoại tệ có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi có kỳ hạn, các khoản cho vay và các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	220.000.000	-
Vay và nợ	(7.591.116.050)	(6.337.500.000)
Nợ phải trả thuần	(7.371.116.050)	(6.337.500.000)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu kỳ này của Công ty sẽ giảm/tăng 136.365.647VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 126.750.000VND). Mức độ nhạy cảm đối với sự biến động của lãi suất năm nay không thay đổi nhiều so với năm trước.

1.49
CHI
CỔ
CH N
M T O
A
T A
/G E

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro về giá chứng khoán

Các chứng khoán do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của chứng khoán đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá chứng khoán bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và đa dạng hóa danh mục đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do khoản đầu tư chứng khoán có giá trị nhỏ.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

3. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm		Số đầu năm		Số cuối năm	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.776.251.383	-	7.743.306.734	-	6.776.251.383	7.743.306.734
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-	2.734.234.676	-	-	2.734.234.676
Phải thu khách hàng	60.696.236.773	(510.849.285)	66.256.367.438	(510.849.285)	60.185.387.488	65.745.518.153
Các khoản phải thu khác	13.944.886.045	(3.852.045.966)	16.876.008.798	(7.687.437.626)	10.092.840.079	11.108.140.656
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	5.890.000.000	(350.904.281)	5.890.000.000	-	5.539.095.719	5.890.000.000
Cộng	87.307.374.201	(4.713.799.532)	99.499.917.646	(8.198.286.911)	82.593.574.669	93.221.200.219

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
	Vay và nợ	7.591.116.050	6.337.500.000	7.591.116.050
Phải trả người bán	18.119.729.830	19.878.974.353	18.119.729.830	19.878.974.353
Các khoản phải trả khác	21.231.855.701	27.842.352.692	21.231.855.701	27.842.352.692
Cộng	46.942.701.581	54.058.827.045	46.942.701.581	54.058.827.045

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT VIỄN THÔNG

Địa chỉ: Số 4A, 4B, 4C phố Vương Thừa Vũ, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Những thông tin khác

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lấy theo Báo cáo tài chính năm 2013 đã được kiểm toán bởi Chi nhánh Công ty TNHH Grant Thornton (Việt Nam) tại Hà Nội.

Người lập biểu

Sơn Hồng Sơn

Kế toán trưởng

Trần Trung Hiếu

Hà Nội, ngày 31 tháng 3 năm 2015

Tổng Giám đốc



Phan Sỹ Kiên

